

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 25/10/2025)

1. Lưu vực sông Hồng

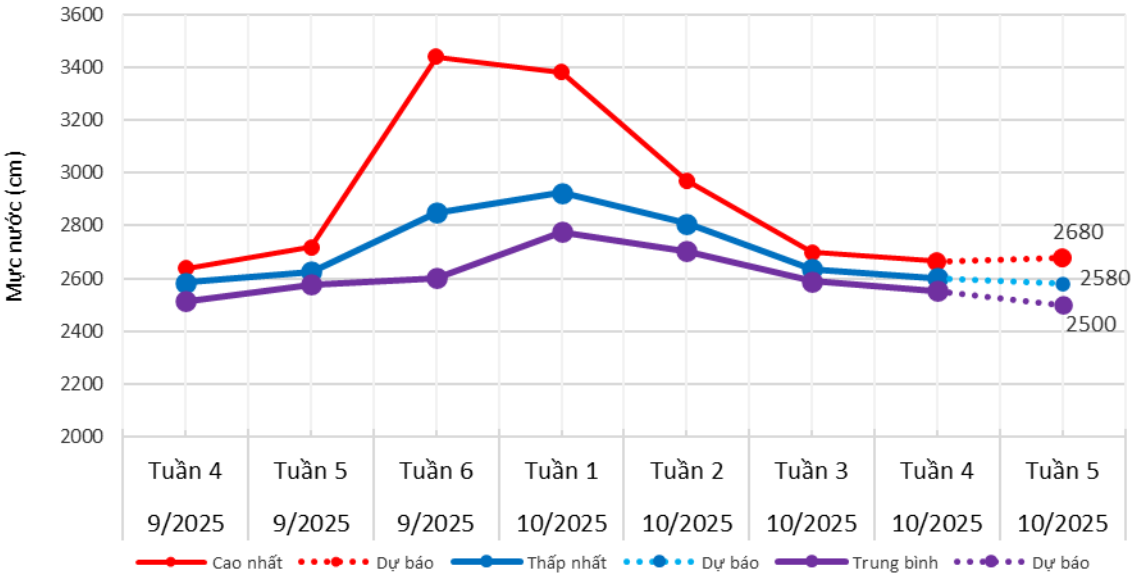
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 5 ngày qua, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái và trạm Phú Thọ biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết các hồ thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

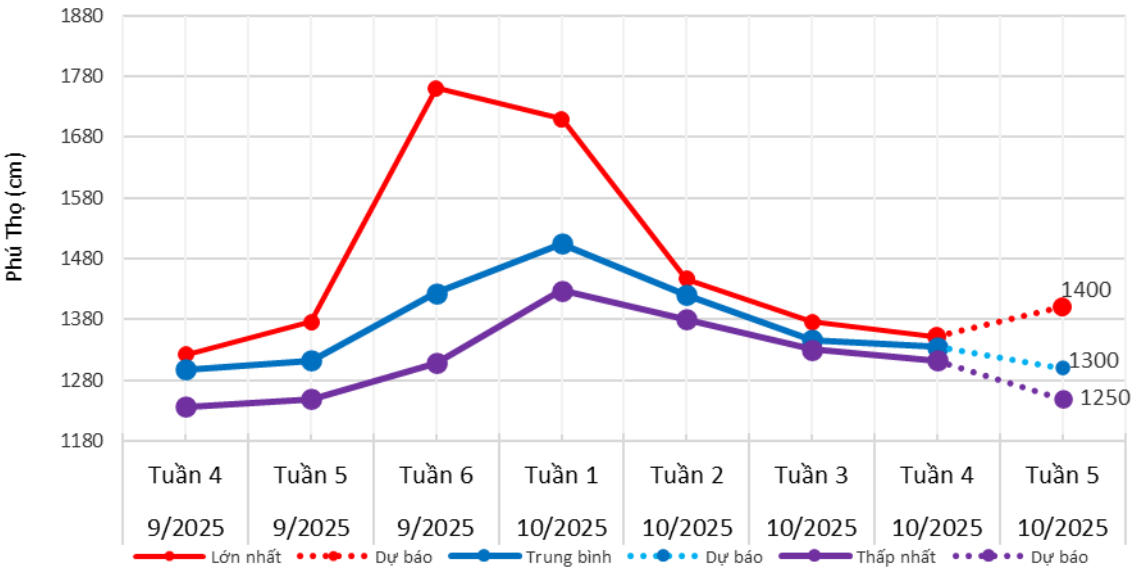
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 5 ngày tới, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

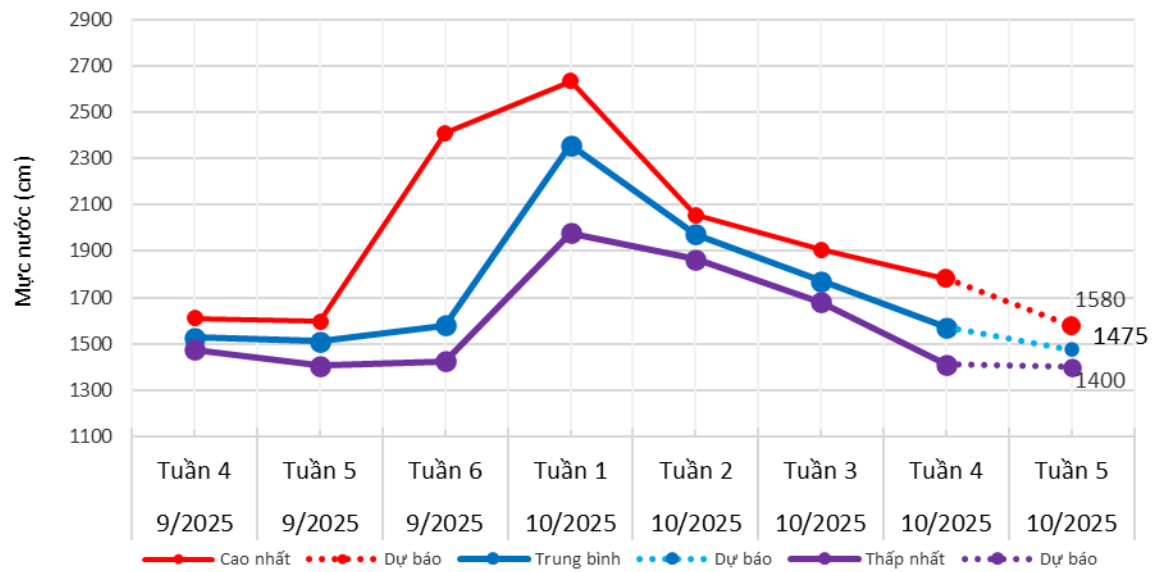
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



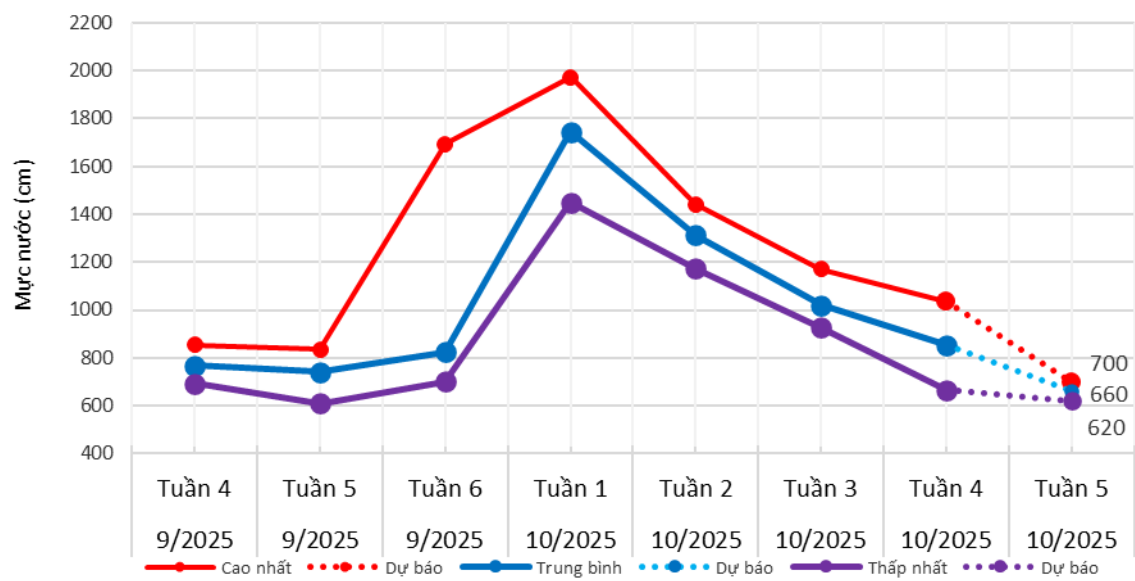
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

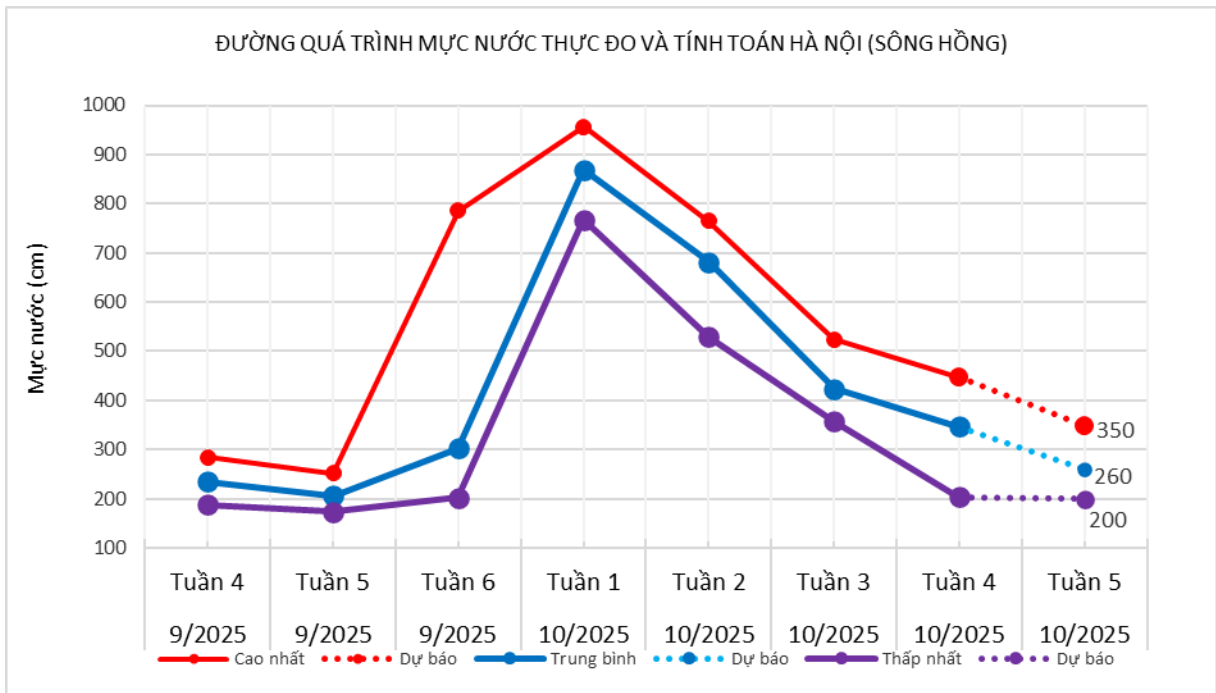
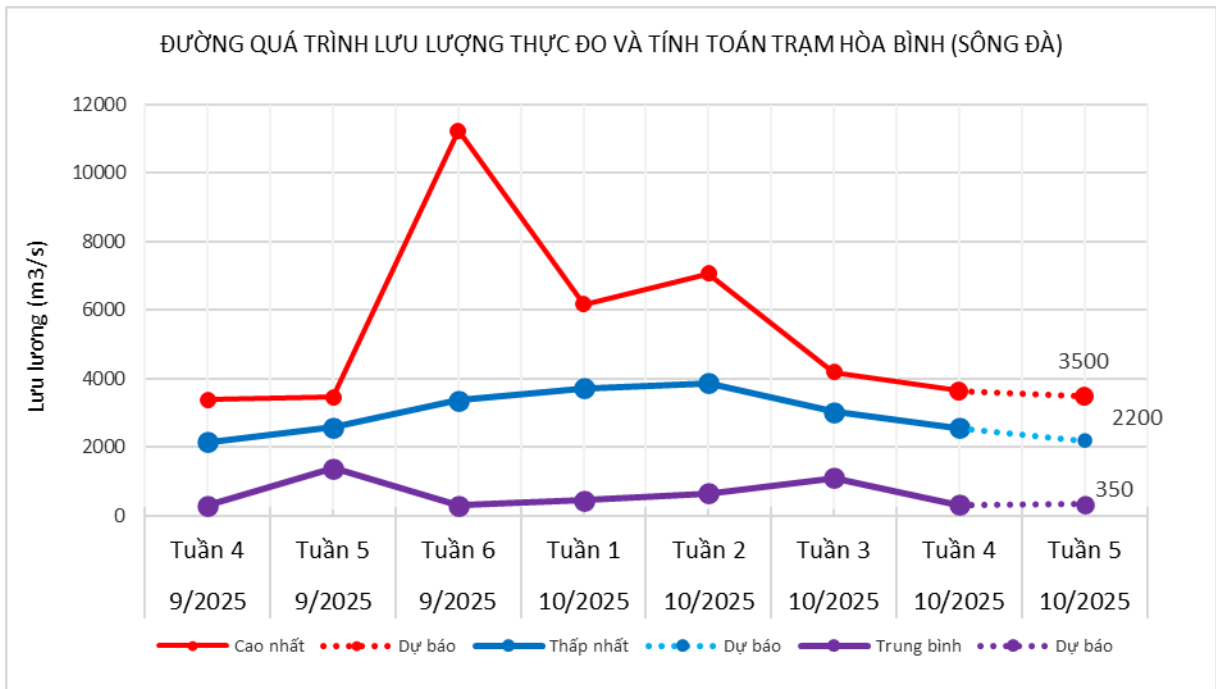


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





2. Lưu vực sông Thái Bình

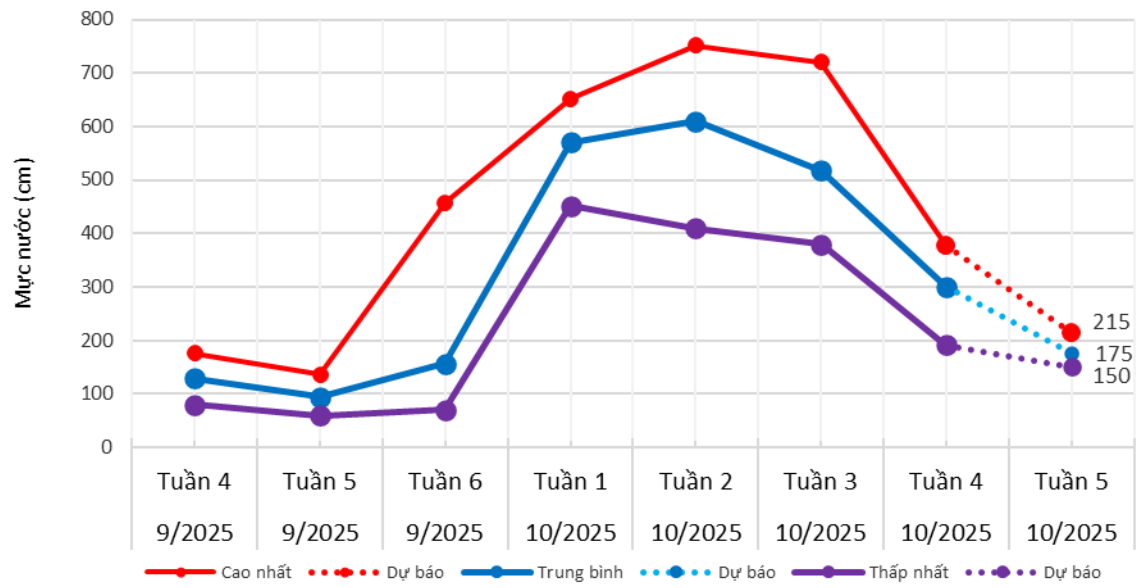
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 5 ngày qua, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm theo xu thế xuống, ở hạ lưu biến đổi chậm xu thế xuống và ảnh hưởng thủy triều.

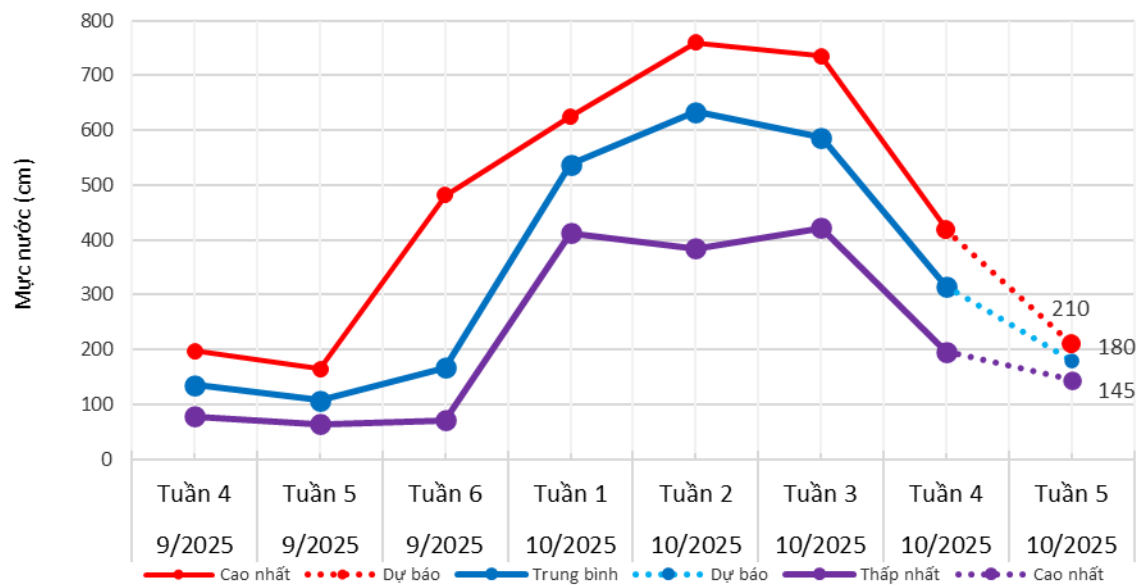
b. Dự báo, cảnh báo

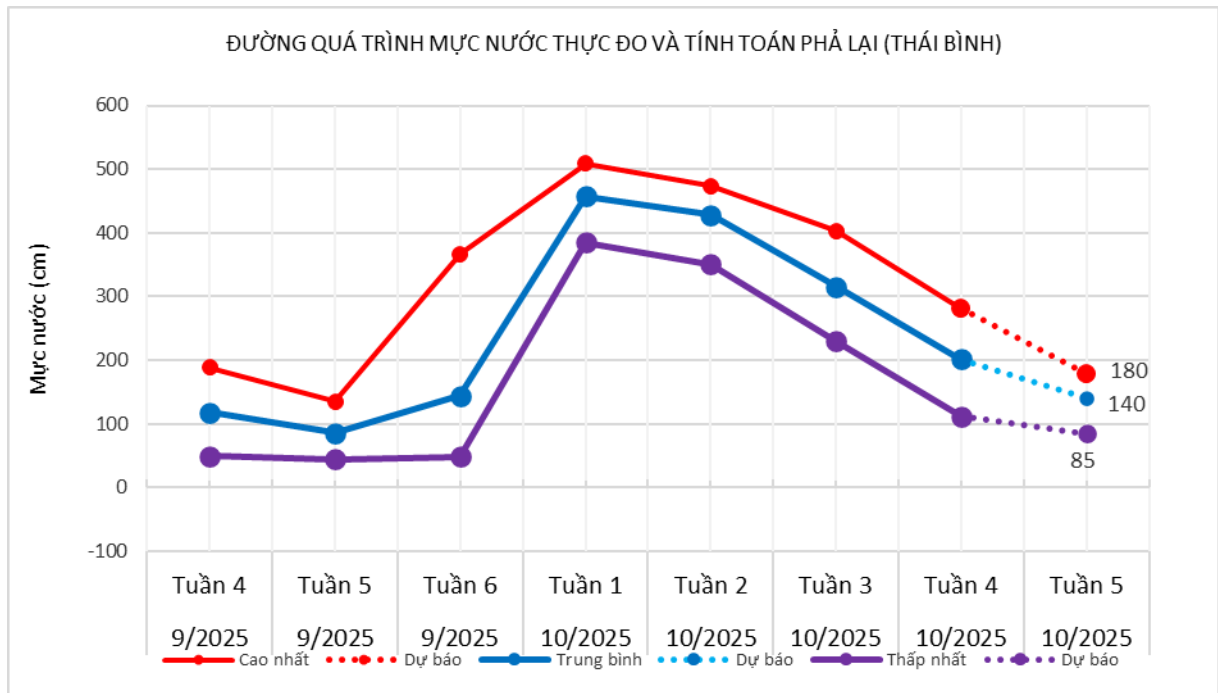
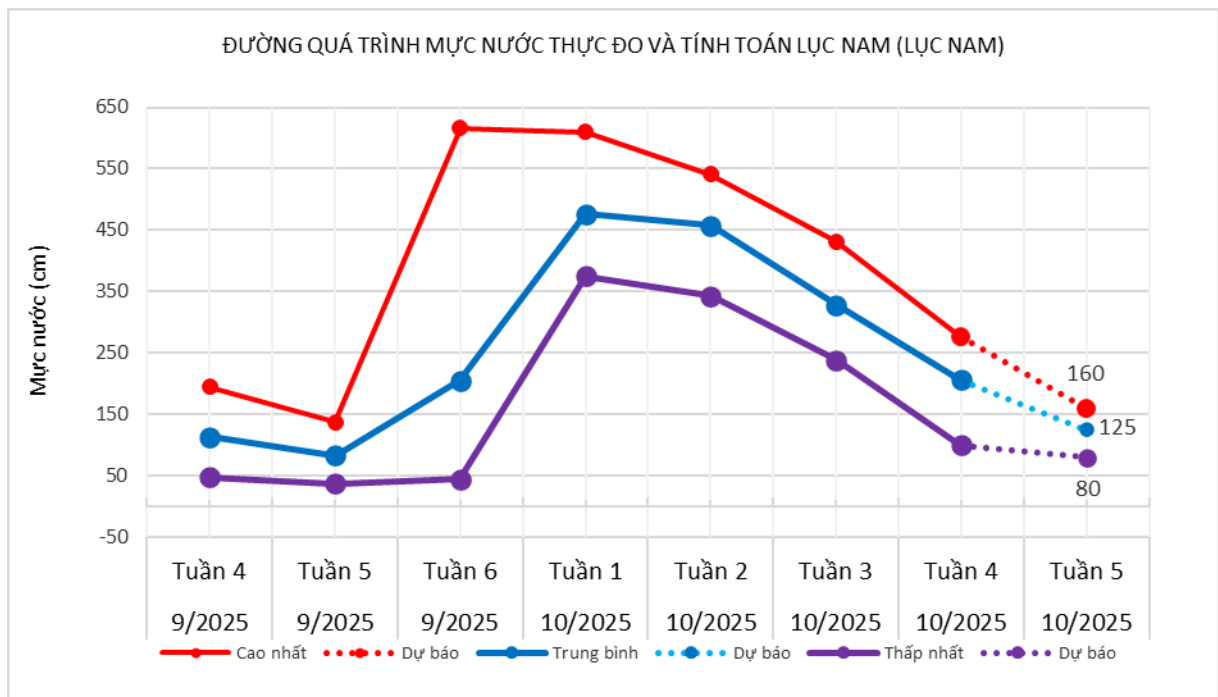
Trong 05 ngày tới, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm, ở hạ lưu tại các trạm chính biến đổi chậm và ảnh hưởng thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHỦ LẠNG THƯƠNG (THƯƠNG)





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

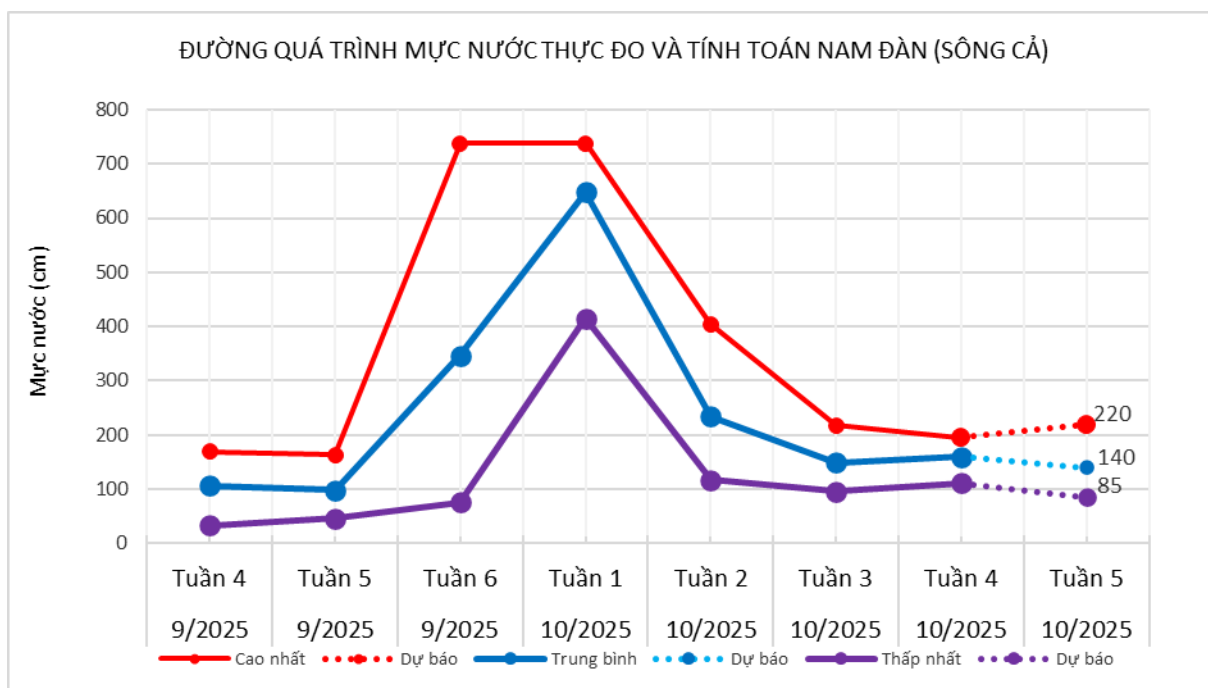
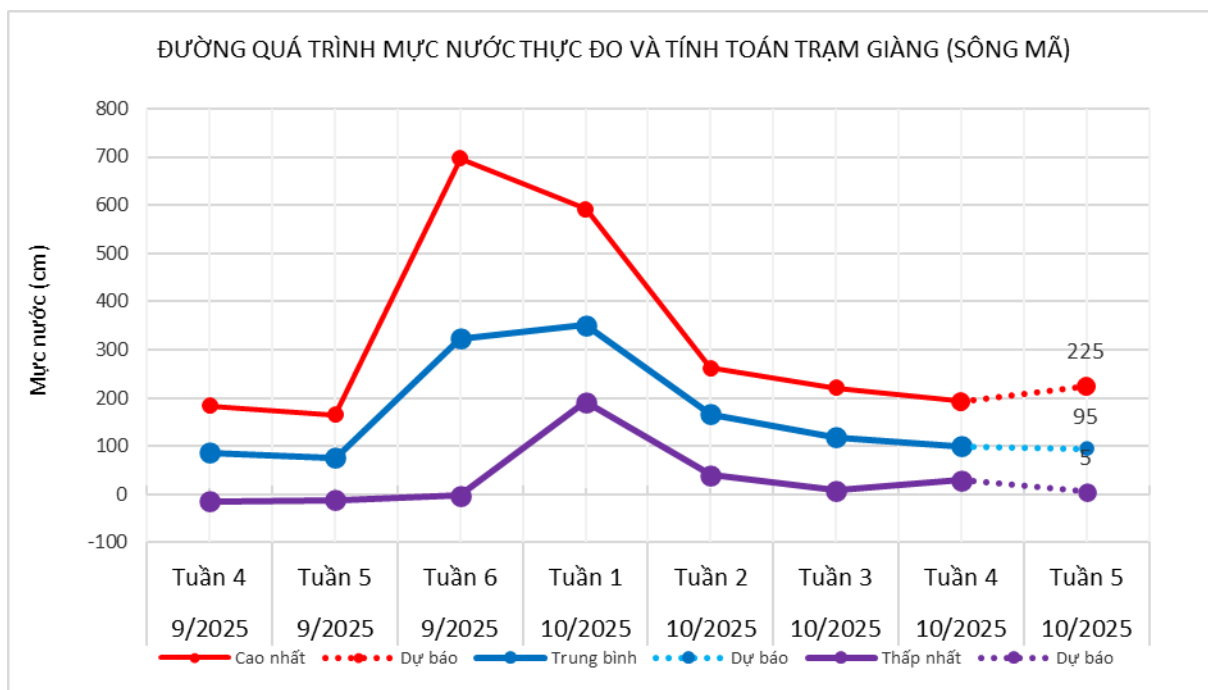
- Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước các sông ở Hà Tĩnh có dao động; các sông khác biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo xu thế xuống.

- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trên các sông từ nam Quảng Trị đến Tp. Huế đã xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2, các sông ở bắc Quảng Trị có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Mức nước thượng lưu các sông có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

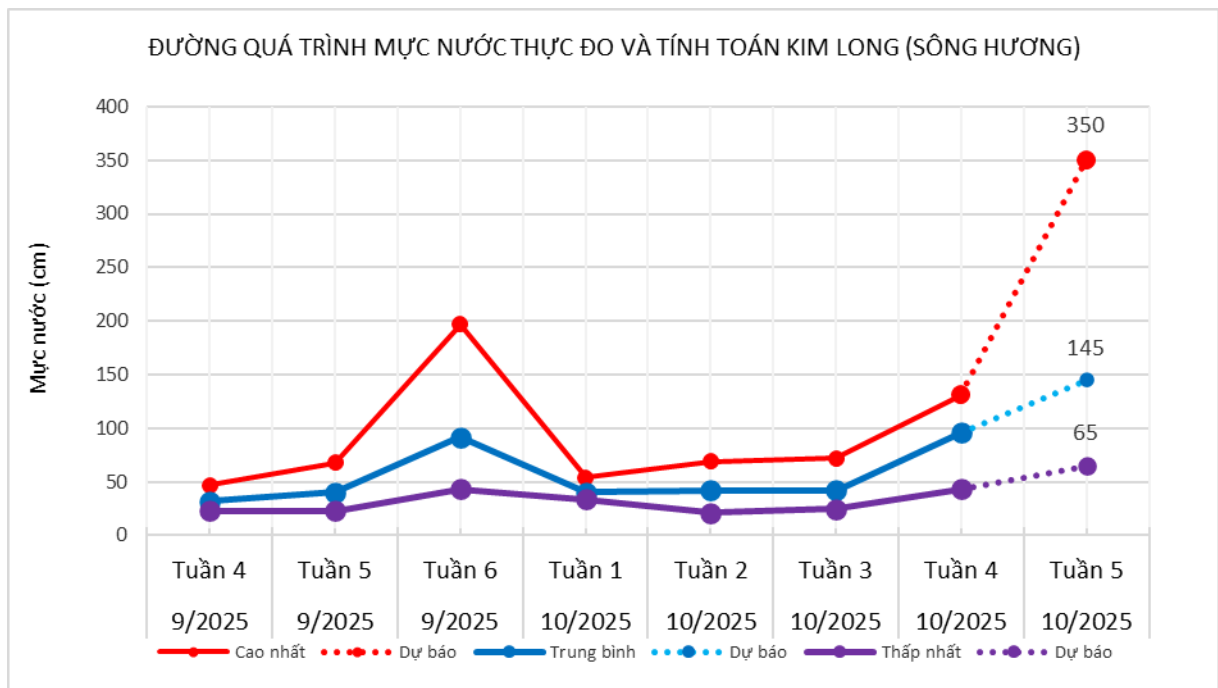
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 22-25/10, trên các sông có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông có khả năng lên mức BĐ2-BĐ3 và trên mức BĐ3.



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN LINH CẢM (SÔNG LA)

Thời gian	Cao nhất (cm)	Trung bình (cm)	Thấp nhất (cm)
Tuần 4 (9/2025)	150	60	-60
Tuần 5 (9/2025)	145	55	-30
Tuần 6 (9/2025)	540	260	5
Tuần 1 (10/2025)	530	430	245
Tuần 2 (10/2025)	240	120	-10
Tuần 3 (10/2025)	185	80	-20
Tuần 4 (10/2025)	160	85	0
Tuần 5 (10/2025)	200	95	-10

Thời gian	Cao nhất (cm)	Trung bình (cm)	Thấp nhất (cm)
Tuần 4 (9/2025)	80	10	-80
Tuần 5 (9/2025)	100	25	-65
Tuần 6 (9/2025)	450	160	-25
Tuần 1 (10/2025)	90	25	-45
Tuần 2 (10/2025)	130	20	-70
Tuần 3 (10/2025)	120	30	-70
Tuần 4 (10/2025)	140	50	-30
Tuần 5 (10/2025)	480	125	-45



4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông ở TP. Đà Nẵng và Quảng Ngãi có dao động.

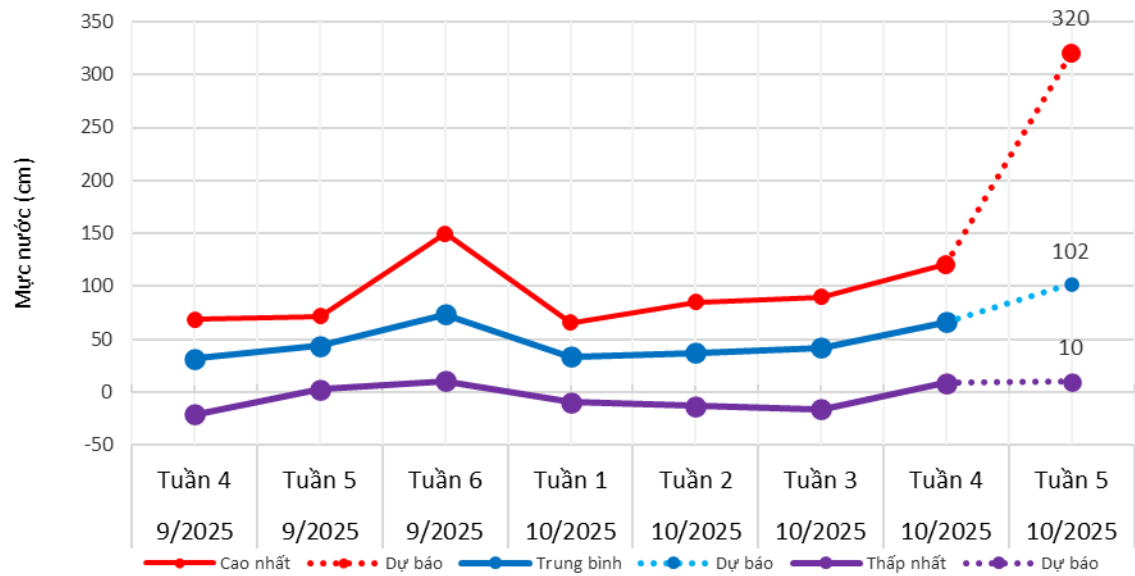
- Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Trong 5 ngày qua, trên các sông phía thượng lưu đã xảy ra một đợt lũ với biên độ lũ lên từ 1-4m. Đỉnh lũ trên các sông phổ biến dưới BĐ1, riêng lũ trên sông Dinh Ninh Hòa tại trạm Ninh Hòa, đỉnh lũ ở mức 5,33m (23h/16/10) dưới mức BĐ3 0,17m. Hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

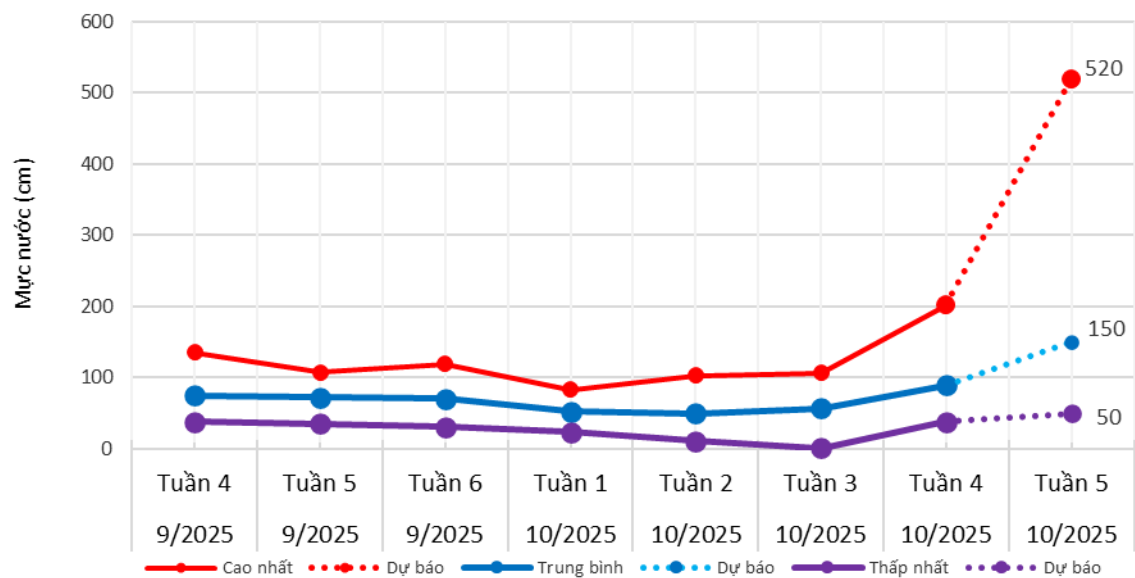
- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 22-25/10, trên các sông có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông có khả năng lên mức BĐ2-BĐ3 và trên mức BĐ3.

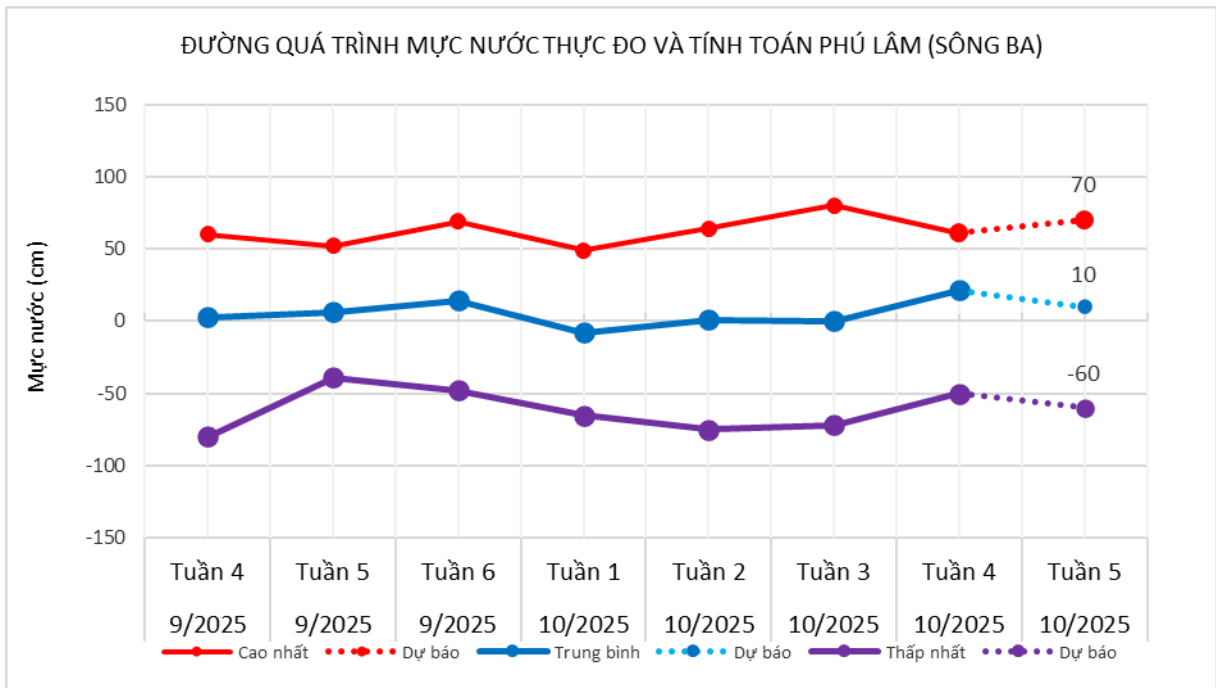
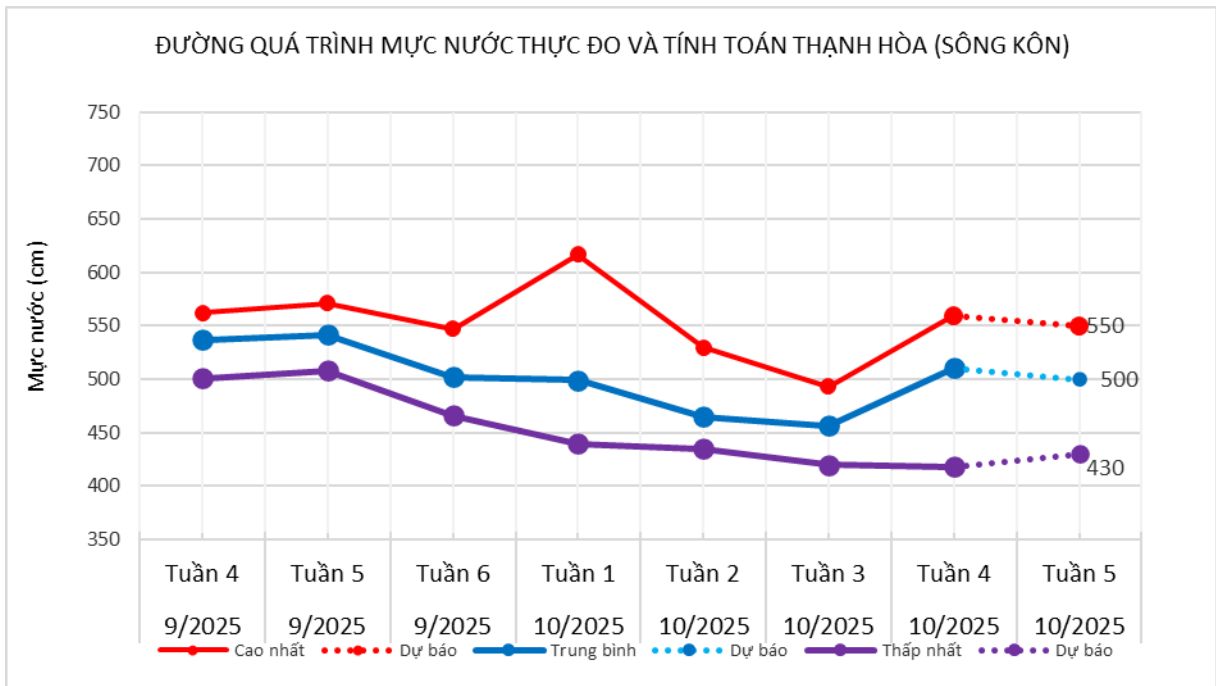
- Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Mức nước trên các sông phía thượng lưu có khả năng xảy ra một đợt lũ với biên độ 1-3m. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN CẦU LẦU (SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)





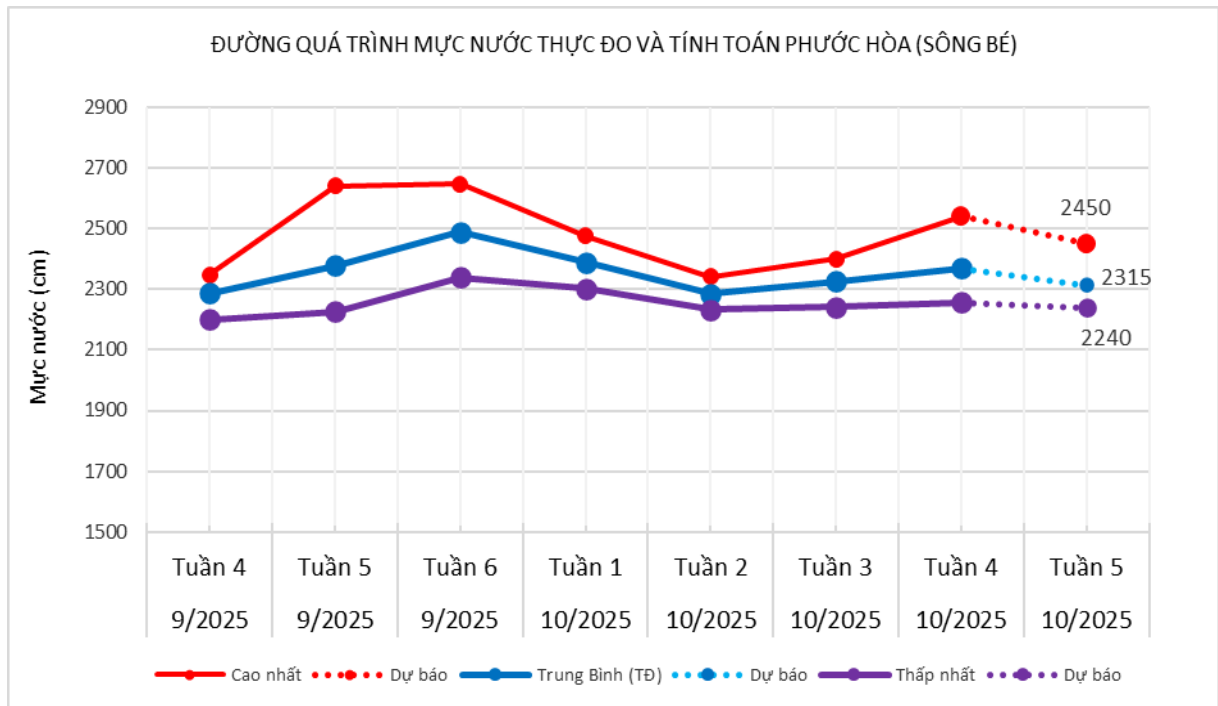
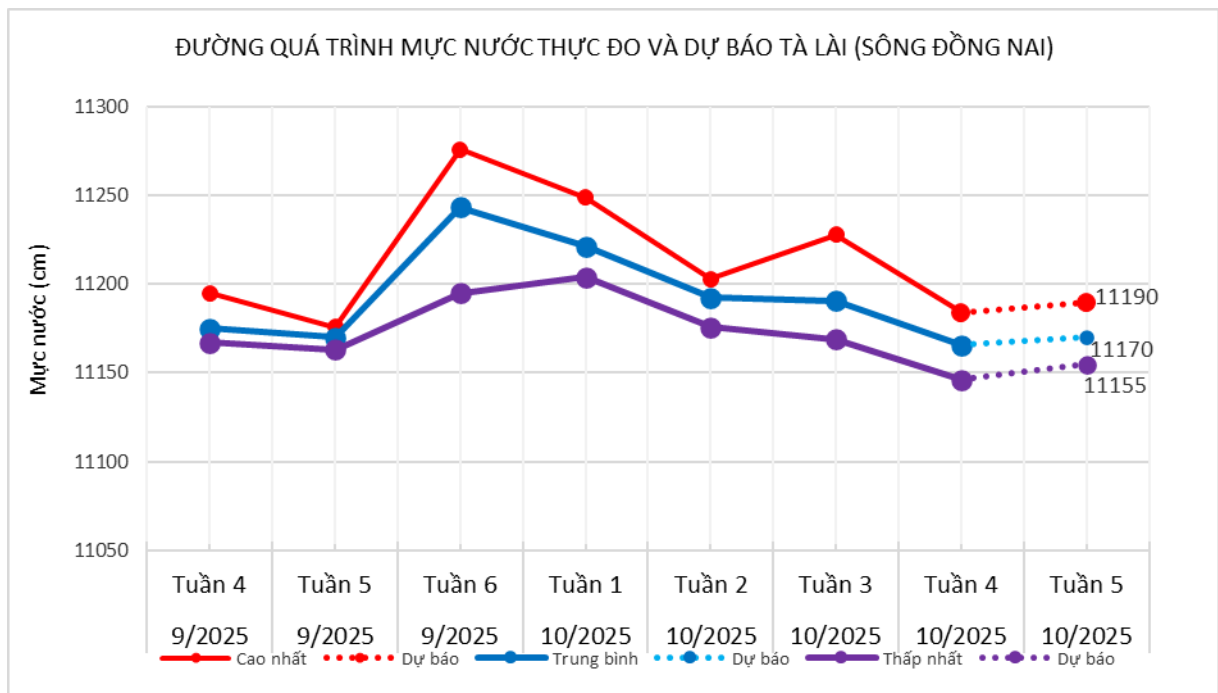
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai, sông Bé biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo điều tiết của hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước trên sông Đồng Nai, sông Bé biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo điều tiết của hồ chứa.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

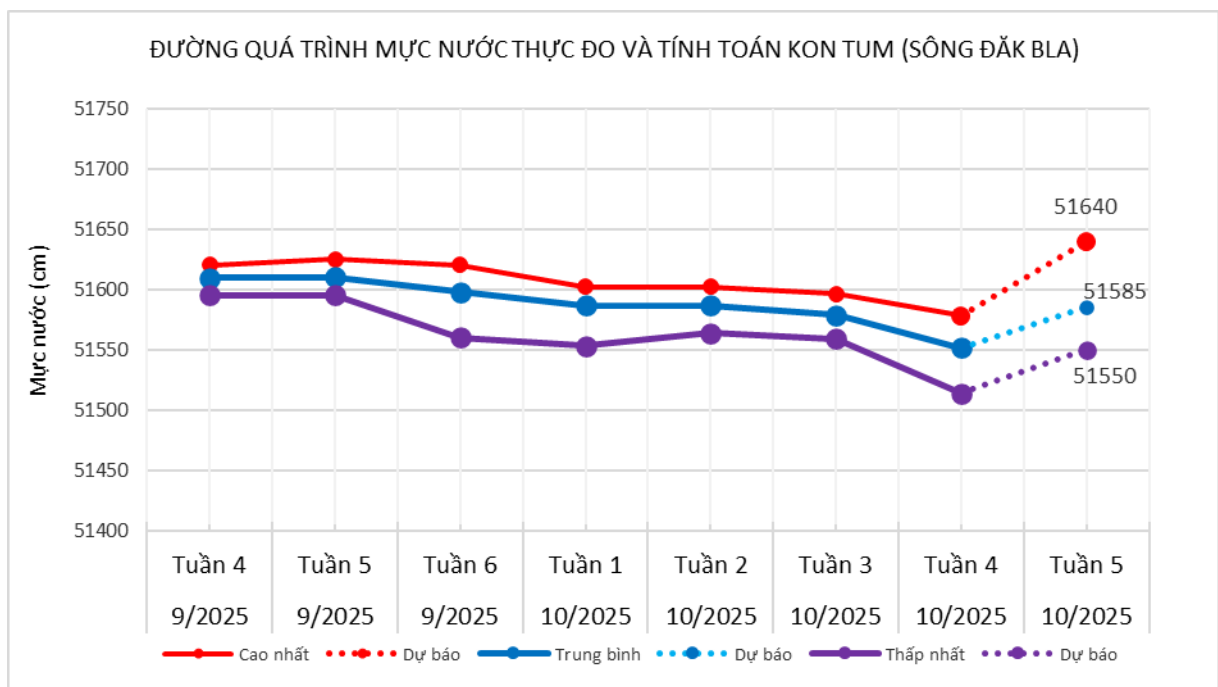
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế lên, trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,88m (ngày 11/10), dưới báo động (BD) 2 0,12m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,46m (ngày 11/10), dưới BD 2 0,04m.

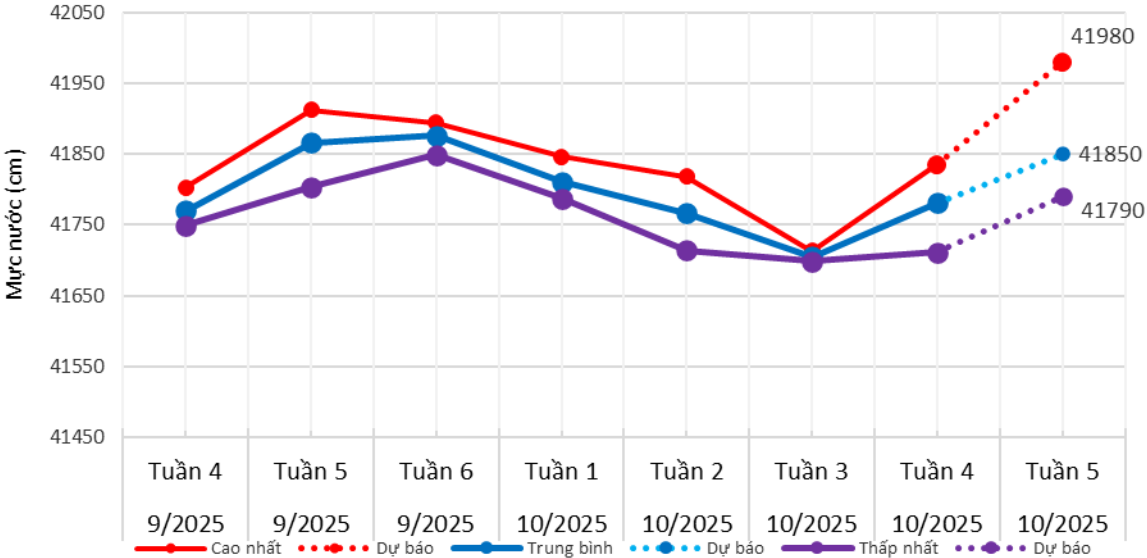
b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 1-2 ngày cuối, mực nước trên các sông thuộc lưu vực sông Sê San có khả năng lên và xuất hiện lũ. Mực nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi, trên sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm.

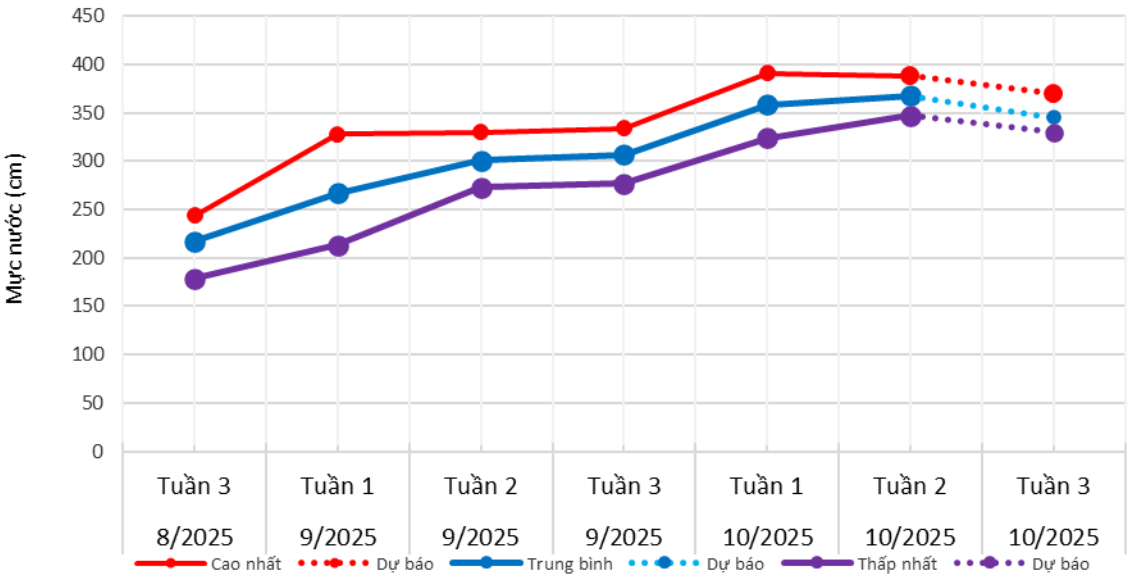
- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày đầu, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,70m trên BĐ2 0,20m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 3,40m dưới mức BĐ2 0,1m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều với xu thế xuống dần.

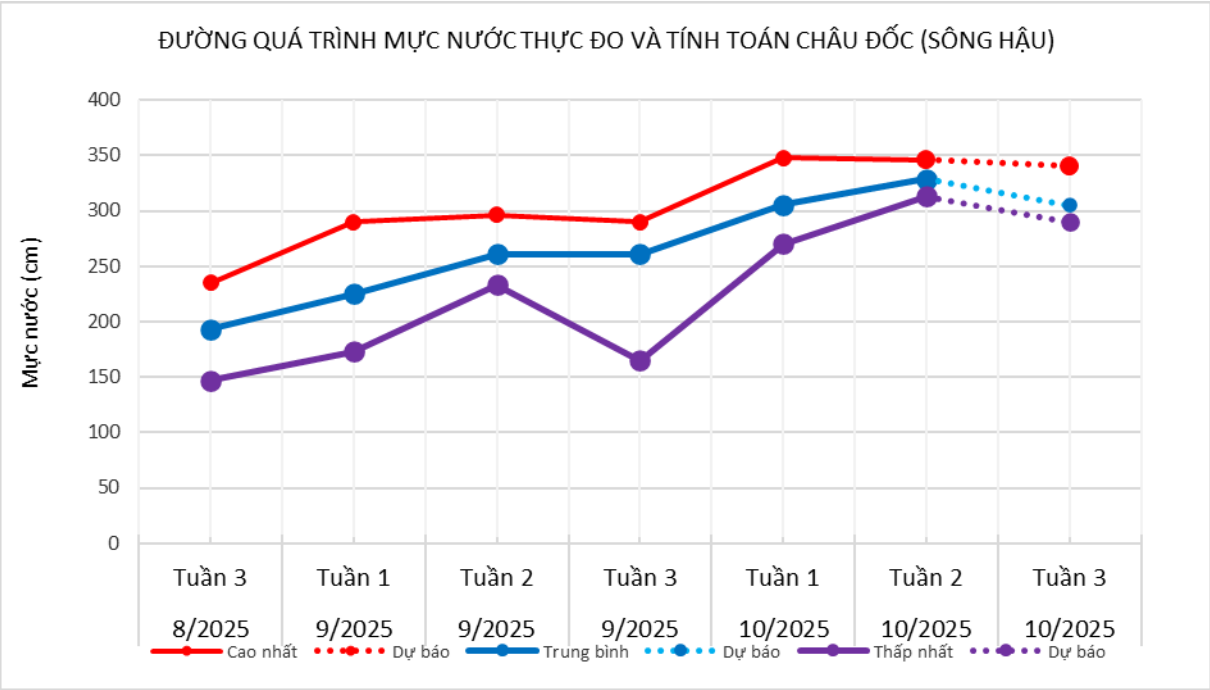


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN GIANG SƠN (SÔNG KRÔNG ANA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TÂN CHÂU (SÔNG TIỀN)





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 26/10/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	2495	3654	325	2200	3500	350
Thao	Yên Bái	2608	2665	2554	2580	2680	2500
Thao	Phú Thọ	1334	1352	1313	1300	1400	1250
Lô	Tuyên Quang	1591	1783	1412	1475	1580	1400
Lô	Vụ Quang	866	1036	666	660	700	620
Cầu	Đáp Cầu	326	377	191	175	215	150
Thương	Phủ Lạng Thương	345	420	196	180	210	145
Lục Nam	Lục Nam	200	276	99	125	160	80
Hồng	Hà Nội	343	447	204	260	350	200
Thái Bình	Phả Lại	205	281	112	140	180	85
Mã	Giàng	100	193	30	95	225	5
Cả	Nam Đàn	160	196	111	140	220	85
La	Linh cảm	88	162	-1	95	200	-10
Giang	Mai Hóa	55	141	-34	125	480	-45
Hương	Kim Long	98	131	43	145	350	65
Thu Bồn	Câu Lâu	67	121	9	102	320	10
Trà Khúc	Trà Khúc	91	202	38	150	520	50
Kôn	Thanh Hòa	510	560	418	500	550	430
Đà Rằng	Phú Lâm	21	61	-50	10	70	-60
Đăkbla	Kon Tum	51551	51578	51514	51585	51640	51550
Krông Ana	Giang Sơn	41783	41835	41711	41850	41980	41790
Đồng Nai	Tà Lài	11165	11184	11146	11170	11190	11155
Bé	Phước Hòa	2375	2542	2257	2315	2450	2240

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Tiền	Tân Châu	367	388	347	350	370	340	340	360	330	345	370	330
Hậu	Châu Đốc	328	346	313	310	340	305	300	325	290	305	340	290